

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Duy

Ông Võ Hoàng Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thúy A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã H1 (nay là thành phố H1), tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ: Nhật Bản.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH NH E, , khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn chị Bùi Thúy A trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh H kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã H1 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018 ngày 13/7/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, khác biệt về phong tục tập quán và văn hóa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Văn bản kiến nghị không ngày tháng năm thể hiện ý kiến của anh H như sau:

Anh H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH NH E, , khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết vụ án ly hôn giữa anh với chị A. Do bận công tác và khoảng cách xa, anh H xin được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử. Đồng thời, vợ tên là Bùi Thúy A, sinh năm 1993, địa chỉ Quốc lộ 30, khóm A, phường A, thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp đang khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh. Nay anh H có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Bùi Thúy A, vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị A là công dân Việt Nam, có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xin ly hôn với anh H, quốc tịch Nhật Bản, đang làm việc tại Công ty TNHH NH E, , khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và đồng ý Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định được quy định tại khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị A và anh H cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự phù hợp với quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị A, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 13/7/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị A cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, khác biệt về phong tục tập quán và văn hóa nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H đồng ý ly hôn với chị A. Điều này thể hiện vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A và anh H thống nhất ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh H.

[4] Về nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh H trình bày thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thúy A được ly hôn với anh H.

2. Về nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Chị Bùi Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006068 ngày 16/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị A đã nộp xong tiền án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND TP. H1;
- Lưu HS, VT (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Huỳnh Kim Oanh